TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22-01-2019
V/v "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Văn Việt.

2. Ông Lý Văn Hùng;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên Tòa: Ông Nguyễn Văn Còn, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1323/2018/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2018 về việc "*ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10/01/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Cao Hoàng S, sinh năm 1977, có mặt.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn*: Bà Lê Thị Thủy N, sinh năm 1972, có mặt.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 19/12/2018 và tại phiên Tòa, N đơn ông Cao Hoàng S trình bày tóm tắt như sau:

Ông và bà Lê Thị Thủy N là vợ chồng, sống với nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Long An. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Bà N hay bỏ nhà đi, không quan tâm đến gia đình. Hiện nay, bà N đã chuyển toàn bộ tài sản riêng của bà N về nhà cha mẹ của bà N sinh sống. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên ông xin ly hôn với bà Lê Thị Thủy N.

Con chung: Ông S trình bày con chung ông và bà N sống chung không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Bà Lê Thị Thủy N trình bày: Bà xác nhận lời trình bày của ông Cao Hoàng S về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như ông Cao Hoàng S trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với những chuyện nhỏ trong gia đình, ông Cao Hoàng S có quen người con gái khác nên bà mới dọn tài sản riêng của bà về gia đình bên bà để sống. Nay ông S yêu cầu ly hôn với bà thì bà cũng đồng ý nhưng với điều kiện ông S phải trả tiền công cho bà cụ thể là tiền công bà về nhà ông S nấu cơm cho ông S ăn và giặt quần áo cho ông S tiền công cụ thể là mỗi người là 150.000 đồng tính từ khi bà về sống chung với ông S thời gian là 04 năm.

Về con chung: Bà N thống nhất theo lời trình bày củ ông S không có con chung.

Về Tài Sản chung: Bà N xác định tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Toà, trên cơ sở trình bày của các đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật, ông Cao Hoàng S yêu cầu xin được ly hôn với bà Lê Thị Thủy N, xét thấy đây là vụ án hôn nhân gia đình, thẩm quyền căn cứ vào Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Hoàng S và bà Lê Thị Thủy N cưới nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 10/5/2017 (số 39/2017, quyển số 01/2017) nên quan hệ hôn nhân của ông S và bà N được pháp luật thừa nhận là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[3] Ông S cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do bà N không quan tâm chăm sóc gia đình, bà N thường xuyên bỏ nhà đi đâu ông S không biết nên mới ly hôn, đối với bà N thừa nhận giữa bà và ông S có mâu thuẫn là do ông S có quen người phụ nữ khác, từ đó bà dọn đồ về gia đình bà sống chung với cha mẹ. Nay ông S yêu cầu xin ly hôn bà cũng đồng ý nhưng với điều kiện ông S phải trả tiền công cho bà, cụ thể là tiền công bà về sống với ông S giặt đồ cho ông S và nấu cơm cho ông S ăn mỗi ngày là 150.000 đồng tính từ khi bà về sống chung với ông S là 04 năm thì bà mới đồng ý ly hôn với ông S. Đối với ông S ông không đồng ý theo yêu cầu của bà N là vì bà N về sống với ông thường xuyên bỏ nhà đi không có mặt ở nhà, bản thân ông tự giặt đồ cho ông còn việc nấu cơm thì bà N có nấu nhưng để vợ chồng ăn chung nên ông không chấp nhận theo yêu cầu của bà N.

Qua lời trình bày của các bên, xét thấy rằng, ông yêu xin được ly hôn với bà N, bản thân bà N cũng đồng ý ly hôn với ông S nhưng với điều kiện ông S phải trả tiền công cho bà về việc bà giặt đồ cho ông S và nấu cơm cho ông thì bà N mới đồng ý, còn như ông S không trả tiền công theo bà N yêu cầu thì N không đồng ý. Việc tình cảm vợ chồng giữa ông S và và N các bên đều thừa nhận có mâu thuẫn và không thể nào hàn gắn lại và sống chung, cụ thể là bà N đã dọn đồ riêng của bà và lấy các tài sản riêng của bà về gia đình bà sinh sống nên mâu thuẫn giữa ông S và bà N là trầm trọng, sống chung không được, hạnh phúc không thành, không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2015 cho ông S được ly hôn với bà N.

Đối với việc yêu cầu tiền công lao động của bà N, cụ thể là số tiền nấu cơm, tiền giặt đồ cho ông S là không có cơ sở để xem xét cho bà N. Bởi lẽ, bà N và ông S là vợ chồng việc bà N giặt đồ hay nấu cơm cho ông S là chuyện thường tình, vợ chồng giúp nhau là đạo lý không thể

tính tiền công, nếu như ông S đồng ý phải trả tiền công cho bà N nên yêu cầu của bà N là không có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung con chung và tài sản chung, nợ chung ông S và bà N thống nhất xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến xem xét.

[4] Về án phí: Ông Cao Hoàng S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56; Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Ông Cao Hoàng S được ly hôn với bà Lê Thị Thủy N.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thủy N về việc yêu cầu ông Cao Hoàng S trả tiền công lao động giặt đồ và nấu cơm cho bà Lê Thị Thủy N.

Về án phí: Ông Cao Hoàng S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003806 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Án sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tài

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án.
- UBND xã T
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.